

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Ông Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trương Hồng H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: số 634, tổ 20, ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh B.

- Bị đơn: ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông H1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trương Hồng H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thái H1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2015, Quyền số 01/2015, ngày 04/9/2015. Trong quá trình chung sống H phúc đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, ông H1 thường xuyên chơi bời, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hai vợ chồng tự H1 giải nhiều lần nhưng không được.

Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H1.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 19/9/2016. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tam thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Thái H1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông H1 trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: bà H và ông H1 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 19/9/2016. Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Thái H1 cư trú tại: ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Bị đơn ông H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2015, Quyền số 01/2015, ngày 04/9/2015 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H1 nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 xảy ra từ khoảng tháng 4 năm 2017 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không H1 hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, ông H1 không chăm lo cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách H1 giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành H1 giải theo quy định nhưng ông H1 vắng mặt, không tham gia phiên H1 giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông H1 không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và tại gia đình của ông H1 thì giữa bà H và ông H1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà H đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông H1.

[4] Về con chung: bà H và ông H1 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 19/9/2016. Hiện nay cháu B đang sinh sống cùng với bà H, ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H1 không cung cấp ý kiến về phần này.

Căn cứ biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà H hiện nay có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định để có thể đảm B chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xác định bà H là người đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, nên chấp nhận giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ông H1 được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà H phải nộp 300.000 đồng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Trương Hồng H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Hồng H được ly hôn ông Nguyễn Thái H1.

- Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh ngày 19/9/2016 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H1 được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: bà Trương Hồng H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003782 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đ;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại